

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO TÀI SẢN
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1
Tháng 12 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam**
2 Tên ngân hàng giám sát : **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)**
3 Tên Quỹ : **Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1**
4 Ngày lập báo cáo: 07/01/2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	KỶ BÁO CÁO Tháng 12/2009	KỶ BÁO CÁO Tháng 11/2009
1	Tiền	146,471,377,499	87,750,137,404
2	Các khoản đầu tư	2,210,281,884,979	2,328,911,963,195
2.1	Trái phiếu	160,523,350,000	268,616,479,349
2.2	Cổ phiếu	2,049,758,534,979	2,060,295,483,846
2.2.1	CP niêm yết	1,572,847,332,500	1,591,836,143,700
2.2.2	CP chưa niêm yết	476,911,202,479	468,459,340,146
3	Cổ tức được nhận	3,023,934,000	1,458,680,000
4	Lãi được nhận	7,822,323,889	12,845,034,987
4.1	Lãi trái phiếu	7,684,935,000	12,673,272,000
4.2	Lãi TGNH	137,388,889	171,762,987
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	17,790,076,200	13,523,094,400
6	Các khoản phải thu khác	5,050,000,000	
7	Các tài sản khác	137,591,000,000	133,380,611,000
	TỔNG TÀI SẢN	2,528,030,596,567	2,577,869,520,986
STT	NỢ	KỶ BÁO CÁO Tháng 12/2009	KỶ BÁO CÁO Tháng 11/2009
8	Tiền phải thanh toán GD chứng khoán	38,036,770,514	12,965,532,135
8.1	Phải trả GDCK niêm yết	37,517,280,000	12,742,500,000
8.2	Phí môi giới GDCK	519,490,514	223,032,135
9	Các khoản phải trả khác	6,138,105,120	4,667,930,909
9.1	Phí quản lý quỹ	4,146,947,577	4,274,469,176
9.2	Phí lưu ký, giám sát	165,877,903	170,978,767
9.3	Thù lao BDD	92,000,000	46,000,000
9.5	Phí kiểm toán	243,738,000	
9.6	Phải trả khác	1,489,541,640	176,482,966
10	Thuế TNDN Cổ tức phải trả cho nhà đầu tư VF1	3,985,166,812	
	TỔNG NỢ	48,160,042,446	17,633,463,044
	TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	2,479,870,554,121	2,560,236,057,942
11	Tổng số đơn vị quỹ	100,000,000	100,000,000
12	Giá trị của một đơn vị quỹ	24,799	25,602

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 12 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: 07/01/2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 12/2009	KỲ BÁO CÁO Tháng 11/2009
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	2,560,236,057,942	2,801,993,805,830
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(80,365,503,821)	(241,757,747,888)
	Trong đó	-	-
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	39,634,496,179	(241,757,747,888)
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	(120,000,000,000)	-
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	2,479,870,554,121	2,560,236,057,942
IV	Giá trị của một đơn vị Quỹ	24,799	25,602

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1
Tháng 12 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
4 Ngày lập báo cáo: 07/01/2010

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 12/2009	KỲ TRƯỚC Tháng 11/2009	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM 2009
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	9,486,744,273	2,929,924,683	78,726,722,065
1	Cổ tức được nhận	13,489,748,918	920,000,000	45,755,232,898
2	Lãi được nhận	(4,003,019,749)	2,009,924,683	32,970,789,502
2.1	Lãi TGNH	985,317,251	230,888,683	16,938,535,078
2.2	Lãi trái phiếu	(4,988,337,000)	1,779,036,000	16,032,254,424
3	Thu nhập khác	15,104		699,665
II	Chi phí	6,193,478,803	4,665,112,659	50,997,609,610
1	Phí quản lý quỹ	4,146,947,577	4,274,469,176	43,724,806,268
2	Phí lưu ký, giám sát	165,877,903	170,978,767	1,856,576,787
3	Các loại chi phí khác	1,880,653,323	219,664,716	5,416,226,555
	Phí ngân hàng	13,305,018	10,395,233	94,891,682
	Thù lao Ban đại diện	92,000,000	46,000,000	638,000,000
	Phí môi giới bán CK	212,428,504	151,971,522	1,927,319,514
	Phí quản lý niêm yết & lưu ký	6,123,127	11,297,961	73,208,012
	Phí kiểm toán	243,738,000		283,742,041
	Phí họp Đại hội nhà đầu tư thường niên	1,042,591,050		1,901,433,531
	Phí họp Ban Đại Diện Quỹ VF1	32,780,381		77,856,258
	CP công tác phí BDD quỹ	16,875,833		80,617,147
	Chi phí khác	220,811,410		339,158,370
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)	3,293,265,470	(1,735,187,976)	27,729,112,455
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	36,341,230,709	(240,022,559,912)	875,169,398,318
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	33,637,469,483	30,133,633,843	226,505,685,919
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	(1,506,627,774)	(322,036,804,755)	592,572,712,399
3	Ghi nhận quyền phát hành thêm cp	4,210,389,000	51,880,611,000	56,091,000,000
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III+IV)	39,634,496,179	(241,757,747,888)	902,898,510,773

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM